

Số: 638 /NĐTW - HCQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2024

V/v: Mời gửi báo giá làm cơ sở xây
dựng dự toán gói thầu trang phục,
đồng phục, bảo hộ lao động cho nhân
viên Bệnh viện năm 2024.

Kính gửi: Các doanh nghiệp trên địa bàn

Căn cứ Quyết định số: 841 /QĐ-NĐTW ngày 5 tháng 6 năm 2024 về
việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật may trang phục, đồng phục,
bảo hộ lao động cho nhân viên bệnh viện năm 2024 tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới
Trung ương. Để có cơ sở xây dựng toán cho gói thầu, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới
Trung ương kính mời các đơn vị quan tâm gửi báo theo danh mục, số lượng, yêu
cầu kỹ thuật đính kèm.

Thư chào giá được scan (chụp) gửi qua địa chỉ email: hcqt@nhtd.vn. Thời
gian gửi đến: Trước 16 giờ 00 phút, ngày 10 / 6 /2024. Chi tiết liên hệ CN Dũng
phòng Hành chính Quản trị, điện thoại 0936151982. *vd*

Trân trọng./.

Nơi nhận: *hu*
- Trang Web Bệnh viện;
- Lưu VT HCQT.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
BỆNH NHIỆT ĐÓI
TRUNG ƯƠNG
Phạm Ngọc Thạch
Phạm Ngọc Thạch

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
MAY TRANG PHỤC NHÂN VIÊN KHỎI KHÁM CHỮA BỆNH**
Kèm theo thông báo số 638/ĐĐT-W-HCQT ngày 6 tháng 6 năm 2024

I. Trang phục cho nhân viên y tế

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
1	Trang phục Bác sỹ, Dược sỹ	- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu Trắng - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4- 5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo Blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau sẽ giữa tới ngang hông. Có in logo Bệnh viện. Quần: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang :Theo màu sắc của áo.	Bộ	362
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	18
		Cộng: Bộ trang phục Bác sỹ, Dược sỹ	Bộ	380
2	Trang phục Điều dưỡng, Nữ hộ sinh	- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26 - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4- 5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh nhạt, viền rộng 0,5 cm. Có in logo Bệnh viện. Quần: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	376
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	19
		Cộng: Bộ trang phục Điều dưỡng, Nữ hộ sinh	Bộ	395
3	Trang phục hộ lý, nhân viên y công.	- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu xanh hoà bình - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu	Bộ	32

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
		giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: cổ trái tim cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước 2 túi, có khuy cài bên ngay trên ngực trái. Có in logo Bệnh viện. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang : Theo màu sắc của áo		
		Dự phòng 10% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	4
		Cộng : Trang phục hộ lý, nhân viên y công	BỘ	36
4	Trang phục khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, tiết khuẩn	- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo. - Chất liệu, màu sắc: vải Kate, màu xanh cổ vịt - Tiêu chuẩn vải: Visco (35 ±5)%. Polyester (65±5)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 300± 2; Ngang: 252 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m2: 162 ± 2; Độ bền màu giặt: 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C: Dọc: 0, ngang -1,5; - Quy cách may: +Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. + Quần: Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Bộ	184
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	10
		Cộng: Trang phục khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, tiết khuẩn	BỘ	194
5	Trang phục Kỹ thuật viên	- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu trắng - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Có in logo của Bệnh viện Quần: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang : Theo màu sắc của áo	Bộ	174
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	9
		Cộng: Trang phục kỹ thuật viên	BỘ	183

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
6	Điều dưỡng khu vực đón tiếp, khoa khám bệnh, khoa khám bệnh theo yêu cầu Kim Chung	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 01 bộ bao gồm: Váy, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Kaki chun, màu trắng - Tiêu chuẩn vải: Thành phần: Visco (15,5±2)%. Polyester (80±5)%, Spandex (4,5±1)%. Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc – Sợi đơn có chun(Ne) 29,8/1; Ngang Sợi Filament có chun (Den) 241. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 488± 10; Ngang ≥ 410 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 265 ± 5. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Váy: Cổ sen 3 túi , chiều dài qua gối, có lé tay và túi , cổ có nơ. Có in Logo của bệnh viện. Mũ + Khẩu trang: theo màu sắc của váy. 	Bộ	36
		Dự phòng 10% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	4
		Cộng: trang phục váy điều dưỡng	Bộ	40
7	Trang phục đoàn khách thăm quan và làm việc tại Bệnh viện	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 01 bộ bao gồm: Áo blouse bác sỹ; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu Trắng - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàn lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo Blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, ngắn tay + dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau sẽ giữa tới ngang hông. Có in logo Bệnh viện. 	Chiếc	30

II. Trang phục lãnh đạo bệnh viện và lãnh đạo các đơn vị, nhân viên khối hành chính

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
1	Trang phục Ban Giám đốc (2 quần + 01 áo Vest)	<p>Màu sắc: màu xanh navy</p> <p>Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 56,7/2 ± 1, ngang (Ne) : 34,6/1 ± 1; - Khối lượng (g/m2) : 178 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 49,9 ± 1; Len 50,1 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 4; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,5 ± 1, ngang: -1,0 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.18 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h <p>Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo vest: Thiết kế phom dáng đứng. Kiểu thiết kế cổ điển ve vech chữ K phù hợp với mọi độ tuổi đáp ứng được nhiều môi trường làm việc khác nhau. Với thiết kế 2 khuy trước, trong đó có 1 khuy được gài, 1 khuy có thể thả lỏng, kết hợp với vạt tròn. 	Bộ	03

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
		- Quần âu: cạp quai nhê, túi chéo, ly xương, 1 túi hậu, có khuy, có đĩa quần.		
2	Trang phục Vest cho lãnh đạo các đơn vị		Bộ	85
2.1	Trang phục Vest lãnh đạo các đơn vị nam, nữ (2 quần + 1 áo Vest)	Màu sắc: màu xanh navy Tiêu chuẩn vải: - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 51,5/2 ± 1, ngang (Ne) : 30,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m ²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,0 ± 1, ngang: -0,5 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h	Bộ	71
2.2	Trang phục Vest lãnh đạo các đơn vị nam, nữ (2 quần + 1 áo Vest)	Quy cách may: - Áo vest nam: Thiết kế phom dáng đứng. Kiểu thiết kế cổ điển ve vếch chữ K phù hợp với mọi độ tuổi đáp ứng được nhiều môi trường làm việc khác nhau. Với thiết kế 2 khuy trước, trong đó có 1 khuy được gài, 1 khuy có thể thả lỏng, kết hợp với vạt tròn. - Áo vest nữ: Kiểu thiết kế cổ điển ve vếch chữ K cùng với thiết kế 2 khuy trước, trong đó có 1 khuy được gài, 1 khuy có thể thả lỏng, kết hợp với vạt tròn. Áo được thiết kế chiết eo. - Quần âu nam: cạp quai nhê, túi chéo, ly xương, 1 túi hậu, có khuy, có đĩa quần. - Quần âu nữ: Cạp 4cm, đĩa 1cm, túi chéo 2 bên. - Chân đầm nữ: Túi coi sát cạp, Cạp rời 4cm, chiết ly trước cả sau, khóa giọt lệ, xẻ sau.	Bộ	10
2.3	Dự phòng 5% (làm tròn theo bộ)		Bộ	4
3	Trang phục khối hành chính		Bộ	189
3.1	Bộ quần áo nam, nữ (quần dài, áo dài tay)	Quy cách yêu cầu kỹ thuật của Áo Màu sắc: màu trắng. Tiêu chuẩn vải: - Kiểu dệt: Vân chéo 2/1; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 52,4/1 ± 1, ngang- sợi đơn có chun (Ne) : 38,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m ²) : 148 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 69,1 ± 1; Visco: 28,1 ± 1; Spandex: 2,8 ± 1 - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 4; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,5 ± 1, ngang: 0 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0,21 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h	Bộ	90

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
3.2	Bộ quần áo nam, nữ (quần dài, áo cộc tay)	<p>Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo sơ mi nữ: Áo được thiết kế kiểu cổ Đức, dáng chiết eo. Lá cổ vuông, bản cổ từ 5,5cm. Thân trước bỏ để cúp có ly ren. - Áo sơ mi nam: Áo được thiết kế kiểu cổ Đức, phom dáng đứng. Lá cổ vuông, bản cổ từ 5.5cm-8cm. Thân sau may không chiết ly, can cầu vai. Áo có may túi. <p>Quy cách, yêu cầu kỹ thuật của Quần:</p> <p>Màu sắc: màu xanh navy</p> <p>Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 51,5/2 ± 1, ngang (Ne) : 30,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,0 ± 1, ngang: -0,5 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h <p>Quy cách, yêu cầu kỹ thuật của chân váy:</p> <p>Màu sắc: màu xanh navy</p> <p>Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 51,5/2 ± 1, ngang (Ne) : 30,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,0 ± 1, ngang: -0,5 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h 	Bộ	70
3.3	Bộ chân váy nữ (chân váy + áo cộc tay)	<p>Quy cách, yêu cầu kỹ thuật của chân váy:</p> <p>Màu sắc: màu xanh navy</p> <p>Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 51,5/2 ± 1, ngang (Ne) : 30,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : -1,0 ± 1, ngang: -0,5 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h 	Bộ	20
3.4	Dự phòng 5% (làm tròn theo bộ)	<p>Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần âu nam: cạp quai nhê, túi chéo, ly xuống, 1 túi hậu, có khuy, có đĩa quần. - Quần âu nữ: Cạp 4cm, đĩa 1cm, túi chéo 2 bên. - Chân đầm nữ: Túi coi sát cạp, Cạp rời 4cm, chiết ly trước cả sau, khóa giọt lệ, xẻ sau. 	Bộ	9

